BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi có 03 trang)

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2008 LẦN 2
Môn thi: HOÁ HỌC - Không phân ban
Thời gian làm bài: 60 phút.

Mã đề thi 560

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Cho biết khối lượng nguyên tử (theo đvC) của các nguyên tố:
H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; Fe = 56; Cu = 64.

Câu 1: Cho dãy các kim loại: Fe, Na, K, Ca. Số kim loại trong dãy tác dụng được với nước ở nhiệt độ thường là
A. 3. **B.** 1. **C.** 2. **D.** 4.

Câu 2: Sản phẩm tạo thành có chất kết tủa khi dung dịch Na_2CO_3 tác dụng với dung dịch
A. $CaCl_2$. **B.** $NaNO_3$. **C.** KCl. **D.** KOH.

Câu 3: Rượu metylic có công thức là
A. C_4H_9OH. **B.** C_3H_7OH. **C.** C_2H_5OH. **D.** CH_3OH.

Câu 4: Kết tủa xuất hiện khi nhỏ dung dịch brom vào
A. anilin. **B.** rượu etylic. **C.** benzen. **D.** axit axetic.

Câu 5: Thuốc thử để phân biệt axit axetic và rượu etylic là
A. phenolphtalein. **B.** nước brom.
C. nước quỳ tím. **D.** Ag_2O trong dung dịch NH_3.

Câu 6: Kim loại phản ứng được với dung dịch H_2SO_4 loãng là
A. Cu. **B.** Au. **C.** Al. **D.** Ag.

Câu 7: Hoà tan m gam Al bằng dung dịch HCl (dư), thu được 3,36 lít H_2 (ở đktc). Giá trị của m là
A. 4,05. **B.** 2,70. **C.** 5,40. **D.** 1,35.

Câu 8: Hợp chất sắt (II) sunfat có công thức là
A. $FeSO_4$. **B.** Fe_2O_3. **C.** $Fe_2(SO_4)_3$. **D.** $Fe(OH)_3$.

Câu 9: Công thức chung của axit cacboxylic no, đơn chức, mạch hở là
A. $C_nH_{2n-1}COOH$. **B.** $C_nH_{2n+1}OH$. **C.** $C_nH_{2n+1}CHO$. **D.** $C_nH_{2n+1}COOH$.

Câu 10: Chất phản ứng được với các dung dịch: NaOH, HCl là
A. $H_2N\text{-}CH_2\text{-}COOH$. **B.** CH_3COOH. **C.** C_2H_6. **D.** C_2H_5OH.

Câu 11: Cho dãy các kim loại: Na, Cu, Fe, Ag, Zn. Số kim loại trong dãy phản ứng được với dung dịch HCl là
A. 5. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 12: Cho dãy các kim loại: K, Mg, Na, Al. Kim loại có tính khử mạnh nhất trong dãy là
A. Al. **B.** Mg. **C.** Na. **D.** K.

Câu 13: Phenol (C_6H_5OH) tác dụng được với
A. $NaNO_3$. **B.** NaCl. **C.** NaOH. **D.** CH_4.

Câu 14: Trong công nghiệp, kim loại được điều chế bằng phương pháp điện phân hợp chất nóng chảy của kim loại đó là
A. Ag. **B.** Na. **C.** Cu. **D.** Fe.

Câu 15: Trong dung dịch $CuSO_4$, ion Cu^{2+} **không** bị khử bởi kim loại
A. Mg. **B.** Fe. **C.** Zn. **D.** Ag.

Câu 16: Cho dãy các chất: CH_3OH, CH_3COOH, CH_3COOCH_3, CH_3CHO, C_6H_5OH. Số chất trong dãy tác dụng được với Na sinh ra H_2 là
A. 5. **B.** 4. **C.** 2. **D.** 3.

Câu 17: Polivinyl clorua có công thức là
A. $(-CH_2-CHCl-)_n$. B. $(-CH_2-CHF-)_n$. C. $(-CH_2-CH_2-)_n$. D. $(-CH_2-CHBr-)_n$.

Câu 18: Cho sơ đồ chuyển hoá: $Fe \xrightarrow{+X} FeCl_3 \xrightarrow{+Y} Fe(OH)_3$ (mỗi mũi tên ứng với một phản ứng). Hai chất X, Y lần lượt là:
A. Cl_2, NaOH. B. HCl, NaOH. C. HCl, $Al(OH)_3$. D. NaCl, $Cu(OH)_2$.

Câu 19: Sản phẩm tạo thành có chất kết tủa khi dung dịch $Fe_2(SO_4)_3$ tác dụng với dung dịch
A. Na_2SO_4. B. NaOH. C. $CuSO_4$. D. NaCl.

Câu 20: Số electron lớp ngoài cùng của nguyên tử Al là
A. 4. B. 2. C. 1. D. 3.

Câu 21: Chất tham gia phản ứng tráng gương là
A. tinh bột. B. xenlulozơ. C. mantozơ. D. axit axetic.

Câu 22: Mg là kim loại thuộc phân nhóm chính nhóm
A. I. B. IV. C. III. D. II.

Câu 23: Phương pháp thích hợp điều chế kim loại Mg từ $MgCl_2$ là
A. dùng K khử Mg^{2+} trong dung dịch $MgCl_2$. B. điện phân $MgCl_2$ nóng chảy.
C. nhiệt phân $MgCl_2$. D. điện phân dung dịch $MgCl_2$.

Câu 24: Để trung hoà 6 gam CH_3COOH, cần vừa đủ V ml dung dịch NaOH 1M. Giá trị của V là
A. 400. B. 100. C. 200. D. 300.

Câu 25: Al_2O_3 phản ứng được với cả hai dung dịch:
A. NaOH, HCl. B. Na_2SO_4, KOH. C. NaCl, H_2SO_4. D. KCl, $NaNO_3$.

Câu 26: Số đồng phân ứng với công thức phân tử C_2H_6O là
A. 5. B. 4. C. 2. D. 3.

Câu 27: Cho sơ đồ phản ứng: $C_2H_5OH \rightarrow X \rightarrow CH_3COOH$ (mỗi mũi tên ứng với một phản ứng). Chất X là
A. CH_4. B. HCHO. C. C_2H_5CHO. D. CH_3CHO.

Câu 28: Đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol metylamin (CH_3NH_2), thu được sản phẩm có chứa V lít khí N_2 (ở đktc). Giá trị của V là
A. 4,48. B. 1,12. C. 2,24. D. 3,36.

Câu 29: Chất tác dụng được với Ag_2O trong dung dịch NH_3, đun nóng tạo ra Ag là
A. CH_3CHO. B. CH_3COOCH_3. C. CH_3OH. D. CH_3COOH.

Câu 30: Hoà tan 9,6 gam Cu bằng dung dịch HNO_3 loãng (dư), sinh ra V lít khí NO (sản phẩm khử duy nhất, ở đktc). Giá trị của V là
A. 4,48. B. 2,24. C. 6,72. D. 3,36.

Câu 31: Số nhóm hiđroxyl (-OH) có trong một phân tử glixerin là
A. 2. B. 3. C. 4. D. 1.

Câu 32: Dung dịch làm quỳ tím chuyển sang màu xanh là
A. $NaNO_3$. B. NaOH. C. Na_2SO_4. D. NaCl.

Câu 33: Đun nóng rượu etylic (C_2H_5OH) với H_2SO_4 đặc ở 170^oC, thu được sản phẩm chính (chất hữu cơ) là
A. $(CH_3)_2O$. B. C_2H_6. C. C_2H_4. D. $(C_2H_5)_2O$.

Câu 34: Cho phương trình hoá học: $aAl + bFe_3O_4 \rightarrow cFe + dAl_2O_3$ (a, b, c, d là các số nguyên, tối giản). Tổng các hệ số a, b, c, d là
A. 26. B. 27. C. 24. D. 25.

Câu 35: Axit acrylic có công thức là
A. CH_3COOH. B. C_3H_7COOH. C. C_2H_5COOH. D. C_2H_3COOH.

Câu 36: Đồng phân của glucozơ là
A. fructozơ. B. saccarozơ. C. mantozơ. D. xenlulozơ.

Câu 37: Cho dãy các chất: $FeCl_2$, $CuSO_4$, $BaCl_2$, KNO_3. Số chất trong dãy phản ứng được với dung dịch NaOH là

A. 4. **B.** 3. **C.** 2. **D.** 1.

Câu 38: Cho 3,2 gam rượu metylic phản ứng hoàn toàn với Na (dư) thu được V lít khí H_2 (ở đktc). Giá trị của V là

A. 2,24. **B.** 1,12. **C.** 4,48. **D.** 3,36.

Câu 39: Để phản ứng hoàn toàn với 100 ml dung dịch $CuSO_4$ 1M, cần vừa đủ m gam Fe. Giá trị của m là

A. 11,2. **B.** 8,4. **C.** 2,8. **D.** 5,6.

Câu 40: Chất X có công thức phân tử $C_3H_6O_2$, là este của axit axetic (CH_3COOH). Công thức cấu tạo thu gọn của X là

A. $HCOOC_2H_5$. **B.** CH_3COOCH_3. **C.** C_2H_5COOH. **D.** $HO\text{-}C_2H_4\text{-}CHO$.

---------- HẾT ----------